

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 11 - 2023

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Đỗ Thị Minh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Dương Thu Phương**

Ông **Lê Xuân Sơn**

- Thư ký phiên toà: Bà **Ngô Thị Mơ**, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Khuất Thu Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 141/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thu Th**, sinh năm 1993. Có mặt;

Địa chỉ: Thôn M, xã Tr, huyện P, TP Hà Nội

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1983. Có mặt;

Địa chỉ: Thôn M, xã Tr, huyện P, TP Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản khai tiếp theo của các bên đương sự tại Toà án, vụ án có nội dung như sau:

Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Nguyễn Văn Q có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn cùng nhau. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr vào ngày 10/02/2011. Sau khi kết hôn, chị Th về chung sống cùng gia đình anh Q tại thôn M, xã Tr, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị Th thì: Chị và anh Q chung sống bình thường với nhau, tuy nhiên là trong quá trình chung sống vợ chồng chị có sự khác biệt tính cách, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thậm chí anh Q có bạo lực gia đình với chị. Bố mẹ hai bên có biết việc vợ chồng mâu thuẫn và khuyên giải hai vợ chồng. Chị cũng nhiều lần bỏ qua cho anh Q để vợ chồng tiếp tục về chung sống. Từ tháng 4/2019, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình. Trong thời gian chị đi xuất khẩu lao động thì anh Q cho rằng chị bỏ bịch, trai gái nên

thường xuyên nhắn tin qua mạng xã hội Zalo để xúc phạm chị thậm tệ. Tháng 8/2023, chị về nước, vợ chồng chung sống với nhau nhưng tình trạng vợ chồng không được cải thiện mà tiếp tục xảy ra cãi vã. Ngày 24/9/2023, chị và anh Q cãi vã nhau to và chị đã đưa cả 03 con về nhà bố mẹ để chị ở gần đó ở. Từ đó đến nay, chị và anh Q sống ly thân nhau. Anh Q có đến nhà bố mẹ chị khuyên chị bỏ qua tất cả để vợ chồng đoàn tụ lại với nhau nhưng chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Q không còn, không thể hàn gắn được với nhau nữa nên chị không về. Chị đã bị tổn thương rất nhiều về tinh thần và thể xác, các con chị nhiều lần chứng kiến cảnh bố mẹ cãi vã, xô xát. Chị không muốn các con phải chịu cảnh này nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q để chị sớm ổn định cuộc sống.

Theo anh Q thì: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh vẫn hạnh phúc bình thường với nhau, thì thoảng có xảy ra cãi nhau nhỏ, câu qua câu lại xong lại thôi. Tháng 3/2019 (*âm lịch*) chị Th bảo với anh là đi xuất khẩu lao động, anh không muốn cho vợ đi nhưng vì để phát triển kinh tế gia đình nên anh đồng ý. Đầu năm 2022, có một nickname TD đăng ảnh trên mạng xã hội Facebook hình ảnh anh T và chị Th đứng chấp tay nguyện cầu nên anh có nhắn tin hỏi chị Th và chị Th công nhận là có say nắng anh T và không chung thủy với anh. Trong khi bức xúc, anh có nhắn tin một số nội dung nói với vợ anh. Tháng 8/2023, chị Th về nước nhưng không thông báo cho anh. Ngày thứ 2 sau khi về nước, chị Th đề nghị với anh về vấn đề ly hôn. Anh cũng có nói với chị Th là bỏ qua hết tất cả mọi vấn đề, vợ chồng làm lại từ đầu để cho các con đỡ khổ. Vợ chồng vẫn sống với nhau, những lúc anh đi làm về có uống một vài chén rượu về thì chị Th lại tiếp tục nói với anh về vấn đề ly hôn. Ngày 24/9/2023, chị Th đưa 3 con về nhà bố mẹ để ở. Anh cũng có đến nhà bố mẹ vợ khuyên bảo chị Th về để vợ chồng đoàn tụ, con cái có bố có mẹ nhưng chị Th không đồng ý. Nguyện vọng của anh là vẫn mong muốn vợ chồng về với nhau để cùng nhau xây dựng gia đình.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Uyển Nh, sinh ngày 20/3/2011, cháu Nguyễn Anh Th1, sinh ngày 26/12/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Diệu M, sinh ngày 06/3/2017. Hiện nay các cháu đều đang ở với chị Th. Chị Th xin được nuôi cả 03 con và các con chị cũng đều mong muốn được ở với mẹ. Nếu anh Q không đồng ý cho chị được nuôi cả 03 con thì chị đề nghị được nuôi cháu Uyển Nh và cháu Diệu M, giao cháu Anh Th1 cho anh Q nuôi. Hiện nay chị đi bán hàng tự do, thu nhập trung bình mỗi tháng của chị khoảng 10.000.000đ/tháng. Khi ly hôn, mẹ con chị sẽ ở tại nhà của bố mẹ chị tại thôn M, xã Tr. Nhà của bố mẹ chị có phòng riêng và đủ điều kiện để mẹ con chị sống được đảm bảo. Chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q không đồng ý để chị Th nuôi cả 03 con. Theo anh, anh sẽ tôn trọng nguyện vọng của con về việc muốn ở với bố hay ở với mẹ khi ly hôn. Nếu hai cháu lớn đã đủ 7 tuổi muốn ở với mẹ thì anh xin được nuôi cháu út là cháu Nguyễn Ngọc Diệu M. Anh không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, anh làm lao động tự do tại địa phương, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 10.000.000đ. Anh có nhà ở ổn định.

Về tài sản chung, công sức và nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 24/10/2023, mẹ đẻ chị Th là bà Nguyễn Thị L trình bày như sau: Năm 2011, chị Th kết hôn cùng anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1983 là người cùng địa phương. Sau khi kết hôn, chị Th về chung sống cùng gia đình anh Q tại thôn M, xã Tr, huyện P, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chị Th và anh Q sinh được 03 người con là cháu Nguyễn Thị Uyển Nh, sinh năm 2011, cháu Nguyễn Anh Th1, sinh năm 2014 và cháu Nguyễn Ngọc Diệu M, sinh năm 2017. Quá trình chung sống với nhau, nhiều lần chị Th và anh Q xảy ra mâu thuẫn. Năm 2019, chị Th đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Anh Q ghen tuông cho rằng chị Th đi nước ngoài có quan hệ trai gái. Anh Q có đến nhà bà và nhiều lần nói chuyện vợ chồng sẽ ly hôn. Bà cũng khuyên bảo anh Q chờ chị Th về rồi vợ chồng tự giải quyết với nhau. Bà có nghe chị Th và các con bà kể lại là anh Q nhiều lần nhấn tin xúc phạm chị Th thậm tệ. Trong thời gian chị Th ở nước ngoài, anh Q không cho các con đi học thêm thậm chí là không đóng tiền học cho con. Anh Q còn tạo áp lực ép con nghỉ học để bắt chị Th về nước. Tháng 8/2023, chị Th về nước, vợ chồng tiếp tục xảy ra cãi vã mâu thuẫn. Ngày 24/9/2023, chị Th đưa cả 03 con về nhà bà ở, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Anh Q có đến nhà bà xin lỗi vợ chồng bà và bảo chị Th về nhưng chị Th xác định không thể chung sống cùng anh Q được nữa nên chị Th không về. Gia đình bà cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng chị Th và anh Q vẫn không cải thiện được quan hệ hôn nhân nên chị Th xin ly hôn thì bà cũng tôn trọng ý kiến của chị Th. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để con bà sớm ổn định cuộc sống. Nếu chị Th ly hôn thì gia đình bà sẵn sàng đón mẹ con chị Th về ở tại nhà bà. Gia đình bà có nhà ở, có phòng riêng để đảm bảo cho cuộc sống của mẹ con chị Th.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 30/10/2023, mẹ đẻ anh Q là bà Nguyễn Thị Th2 cho biết như sau: Năm 2011, anh Q kết hôn cùng chị Nguyễn Thị Thu Th là người cùng địa phương. Sau khi kết hôn, chị Th về chung sống cùng gia đình bà tại thôn M, xã Tr, huyện P, Thành phố Hà Nội. Anh Q và chị Th chung sống hạnh phúc với nhau và sinh được 03 người con là cháu Nguyễn Thị Uyển Nh, sinh năm 2011, cháu Nguyễn Anh Th1, sinh năm 2014 và cháu Nguyễn Ngọc Diệu M, sinh năm 2017. Năm 2019, chị Th đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình. Trong thời gian đi xuất khẩu lao động, bà có nghe nói chị Th có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Anh Q ở nhà đi làm và chăm sóc 03 con. Vợ chồng bà cũng phụ giúp anh Q trông nom, chăm sóc các cháu. Ngày 06/7/2023 (âm lịch), chị Th về nước và về sống tại gia đình bà. Tuy nhiên, chị Th và anh Q không hạnh phúc, vợ chồng không ngủ chung cùng nhau và xảy ra cãi nói nhau. Ở nhà được 01 tháng 06 ngày thì chị Th đưa cả 03 con về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh Q nhiều lần sang nhà bố mẹ chị Th bảo chị Th đưa các con về nhưng chị Th không về mà làm đơn ly hôn anh Q. Gia đình bà rất mong muốn chị Th suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ với nhau, cùng nhau xây dựng gia đình và nuôi dạy con cái.

Tại biên bản làm việc ngày 19/10/2023, trưởng thôn M, xã Tr, huyện P là ông Nguyễn Văn Th3 cho biết như sau: Vợ chồng chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Nguyễn Văn Q là

người dân ở thôn M, xã Tr. Quá trình sống tại địa phương, chị Th và anh Q chung sống bình thường với nhau và sinh được 03 con gái. Năm 2019, chị Th đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong thời gian chị Th đi làm xa, ông cũng có nghe nói là anh Q ghen tuông nên vợ chồng mâu thuẫn. Năm 2023, chị Th về nước thì giữa chị Th và anh Q phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn. Khoảng hơn một tháng nay, chị Th đưa con về sống tại nhà bố mẹ đẻ tại thôn M, xã Tr. Chị Th và anh Q sống ly thân từ đó cho đến nay. Ở địa phương, chị Th và anh Q đều làm lao động tự do, thu nhập của anh chị thế nào thì ông cũng không nắm được.

Tại phiên tòa, chị Th giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Q và đề nghị được trực tiếp nuôi cả 03 cháu, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung vì cả 03 cháu đều muốn ở với mẹ. Cháu M từ khi được 09 ngày tuổi đã có biểu hiện bị bệnh và Bệnh viện Nhi trung ương đã xác định cháu bị động kinh, do vậy cháu cần có mẹ chăm sóc.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Q vẫn mong chị Th nghĩ đến các con và quay về đoàn tụ vợ chồng. Anh thừa nhận anh cũng có cái sai, có đánh vợ, có nói vợ là con đi. Nếu chị Th cương quyết xin ly hôn thì anh chấp nhận, đồng ý ly hôn và anh đề nghị được nuôi một hoặc 02 cháu. Anh Q không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức và nợ: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án như sau: Việc Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo; Việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX xử cho chị Nguyễn Thị Thu Th được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Uyển Nh, sinh ngày 20/3/2011 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Anh Th1, sinh ngày 26/12/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Diệu M, sinh ngày 06/3/2017 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, công sức: không có; Về nợ: Hai bên đều xác định không có.

Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Th. Bị đơn là anh Nguyễn Văn Q có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã Tr, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Nguyễn Văn Q kết hôn do tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện Phúc Thọ vào ngày 10/02/2011 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung, chị Th và anh Q đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Th trình bày do chị và anh Q có sự khác biệt tính cách, bất đồng quan điểm sống, anh Q có bạo lực gia đình với chị. Trong thời gian chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2019 đến năm 2023, anh Q ghen tuông cho rằng chị bồ bịch trai gái nên nhả tin xúc phạm chị. Còn theo anh Q, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Th trong thời gian đi xuất khẩu lao động đã không chung thủy với anh. Tháng 8/2023, chị Th về nước nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Tháng 9/2023, chị Th đưa cả 03 con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

HĐXX nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Q đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cho chị Nguyễn Thị Thu Th được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

[2.2]. Về con chung: Chị Th và anh Q có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Uyên Nh, sinh ngày 20/3/2011, cháu Nguyễn Anh Th1, sinh ngày 26/12/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Diệu M, sinh ngày 06/3/2017. Khi ly hôn, chị Th đề nghị được nuôi cả 03 con vì cả 3 cháu đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ, chị có đủ điều kiện để nuôi cả 03 cháu và chị cho rằng cháu M đang còn nhỏ, khi sinh ra cháu được Bệnh viện Nhi trung ương chẩn đoán có dấu hiệu động kinh nên khi sinh cháu được 09 ngày thì gia đình đã phải thuốc thang chạy chữa cho cháu nên cần có mẹ chăm sóc.

Anh Q không đồng ý giao cả 03 con cho Th chị nuôi, anh có nguyện vọng được nuôi cháu Diệu M vì anh tôn trọng nguyện vọng của 02 cháu lớn được ở với mẹ. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của các bên và nguyện vọng của các con để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ. Cả chị Th và anh Q đều đề nghị được trực tiếp nuôi con khi vợ chồng anh chị ly hôn. Nguyện vọng được nuôi con của chị Th và anh Q là chính đáng và anh chị đều có điều kiện để nuôi con. Nguyện vọng của cháu Uyên Nh và cháu Anh Th1 là được ở với mẹ nên HĐXX thấy cần tôn trọng nguyện vọng này của các cháu. Chị Th trình bày cháu Diệu M đang còn nhỏ, khi sinh ra cháu được Bệnh viện nhi trung ương chẩn đoán có dấu hiệu động kinh nên khi sinh cháu được 09 ngày thì gia đình đã phải thuốc thang chạy chữa cho

cháu nhưng không cung cấp được hồ sơ bệnh án của cháu, mặt khác, tại phiên tòa chị Th trình bày: Từ 02 tuổi cháu M đã không còn phải dùng thuốc và đã khỏe mạnh bình thường. Và thực tế, trong thời gian chị Th đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, cháu M vẫn ở nhà cùng bố và được anh Q chăm sóc bình thường nên HĐXX thấy giao cháu Uyên Nh và cháu Anh Th1 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Diệu M cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi chị Th và anh Q ly hôn là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của chị Th, anh Q và nguyện vọng của các cháu. Chị Th và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị Th và anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, công sức và nợ: Chị Th và anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Thị Thu Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Xử:

+ Chị Nguyễn Thị Thu Th được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.
+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Uyên Nh, sinh ngày 20/3/2011, cháu Nguyễn Anh Th1, sinh ngày 26/12/2014 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Ngọc Diệu M, sinh ngày 06/3/2017 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chị Th và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, công sức và nợ: Chị Th và anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041009 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- UBND xã Vân Nam;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Minh Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA